

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2026/HS-ST
Ngày: 05 - 01 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ.

Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Mai Phụng.
- Ông Hồ Hoàng Diệu.
- Ông Nguyễn Trần Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nhật Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Đồi – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh H, sinh ngày 18/5/1958 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang (nay là Ấp T, xã Ó, tỉnh An Giang); nơi ở hiện tại: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang (nay là Ấp T, xã T, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành S và bà Lý Thị M (đều đã chết); có vợ tên Trần Thị Thu N (chết) và 10 người con (lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 2005); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1–Công an thành phố C; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông Nguyễn Chí N1 – Luật sư Công ty L thuộc đoàn luật sư thành phố C (Có mặt).

- Bị hại: Ông Mai Xuân T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số C đường Đ, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ (nay là phường B, thành phố Cần Thơ) (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Ngô Văn H1, sinh năm 1973; địa chỉ: Số E Q, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường B, tỉnh An Giang) (Vắng mặt).

2. Ông Phan Hoàng T1, sinh năm 1957; địa chỉ: Số I đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ) (Vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Bé S1, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang) (Có mặt).

4. Ông Huỳnh Văn T2, sinh năm 1975; địa chỉ: Số A khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang) (Vắng mặt).

5. Ông Lý Bé T3, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số B L, khóm E, phường F, tỉnh Cà Mau (nay là phường T, tỉnh Cà Mau) (Có mặt).

- Người làm chứng:

1. Bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1980

2. Ông Đỗ Phước D, sinh năm 1964

3. Ông Võ Thanh U, sinh năm 1971

(Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Phan Hoàng T1 có quen biết với bị cáo Nguyễn Thanh H. Vào khoảng tháng 9/2019, ông Phan Hoàng T1 nhờ ông Mai Xuân T vay dùm 40.000.000 đồng và đưa trực tiếp 10.000.000 đồng cùng số tài khoản 0104876931 Ngân hàng Đ của Nguyễn Thanh H để ông T chuyển vào 50.000.000 đồng theo yêu cầu của ông T1. Sau đó, ông T vay mượn tiền của người khác chuyển cho bị cáo H để bị cáo H làm chi phí đi sang nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tìm mua và vận chuyển kim loại quý, thiên thạch về Việt Nam bán lại kiếm lời, từ ngày 09/9/2019 đến ngày 06/03/2020, ông T chuyển cho bị cáo tổng số tiền là 1.420.000.000 đồng. Ông T cho rằng việc chuyển số tiền trên cho bị cáo là do ông T1 kêu, do ông T1 là cấp trên nên ông T kính nể và đồng ý thực hiện vay mượn tiền chuyển cho bị cáo H. Bản thân ông T1 cũng đưa tiền cho H để mua hàng (sau này mới biết mua đá thiên thạch). Do không thấy ông T1 trả lại tiền để ông T trả cho những người mà ông T1 kêu ông T đến mượn trước đó nên hỏi thì ông T1 nói đang yêu cầu bị cáo H trả lại. Lúc này ông T1 hẹn bị cáo H và ông T cùng gặp nhau tại quán cà phê trên đường C thành phố Cần Thơ. Tại đây, bị cáo tự xưng là Đại tá tình báo

Công an hướng bên Lào; ông T1 hỏi H sao chưa trả lại tiền thì bị cáo H nói hàng (đá thiên thạch) chưa về Việt Nam. Bị cáo lấy điện thoại ra cho ông T và ông T1 cùng xem đoạn video đá thiên thạch màu đen bỏ vào ca nước để lên tấm kính thì làm bể kính có giá 1.000.000.000 đô la Mỹ (USD). Bị cáo hỏi ông T1 là cho ông T bao nhiêu tiền, ông T1 nói “cho T 10.000.000 đô la Mỹ (USD)”, bị cáo nói cho ông T 25.000.000 đô la Mỹ (USD) khi bán được hàng.

Sau đó, bị cáo điện thoại riêng cho ông T rủ hùn tiền mua viên đá thiên thạch, bị cáo nói có hàng thứ hai không liên quan đến ông T1 và không nên cho ông T1 biết. Đồng thời, bị cáo nói có quen biết với Cục Trưởng cục T5 (con rể của lãnh đạo cấp cao Nhà nước), hàng đá thiên thạch sẽ bán trực tiếp cho vợ của Thủ tướng chính phủ ở thời điểm này và còn quen biết nhiều quan chức cấp cao tại Việt Nam có góp cổ phần mở Công ty M1 và đá quý bên Lào về Việt Nam bán kiếm lời. Bị cáo rủ ông T hùn tiền và hứa chia lợi nhuận cao cho ông T. Bị cáo nói ông T góp 500.000.000 đồng để mua viên đá thiên thạch thì cho ông T 15.000.000 đô la Mỹ (USD) và yêu cầu ông T mở tài khoản tại Ngân hàng V nhưng phải đứng tên vợ ông T là bà Lê Thị B, hứa sẽ lấy tiền bán được viên đá thứ nhất chung với ông T1 trả trước cho ông T, khỏi chờ bán viên thứ hai vì bị cáo cần 500.000.000 đồng để đặt cọc, nếu ông T đứng tên danh sách thụ hưởng thì ông T1 biết. Tin tưởng là thật nên ông T chuyển tiền cho bị cáo nhiều lần, từ ngày 27/4/2020 đến ngày 11/12/2020 ông T đã chuyển cho bị cáo qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 050120606090 Ngân hàng S2 và chuyển tiền nhanh qua hệ thống Viettel các số điện thoại 0348578609, số 0395555036 với tổng số tiền là 1.675.000.000 đồng. Bị cáo gửi cho ông T danh sách những người thụ hưởng tiền có tên bà Lê Thị B được chia 15.000.000 đô la Mỹ (USD). Sau khi nhận được tiền, bị cáo không thực hiện theo thỏa thuận và kéo dài thời gian lâu nên ông T đòi lại tiền thì bị cáo đưa ra nhiều thông tin như: Thiếu tiền lo giấy tờ, đứt lót cho người đóng dấu, người đưa giấy ra,... kêu ông T chuyển thêm tiền để lo thủ tục giấy tờ bán viên đá thứ nhất vì hàng đã về Việt Nam, đã bán xong, chỉ còn làm giấy tờ mua bán, đóng thuế. Nhận thấy bị bị cáo chiếm đoạt tiền nên ngày 06/12/2024 ông T làm đơn tố giác.

Qua trình điều tra xác định được: Bị cáo Nguyễn Thanh H không biết và chưa thực hiện được việc mua bán đá thiên thạch hoặc kim loại quý nhưng đưa ra nhiều thông tin không có thật để yêu cầu ông Mai Xuân T chuyển tiền nhiều lần từ ngày 27/4/2020 đến ngày 11/12/2020 là 1.675.000.000 đồng rồi chiếm đoạt.

Bị cáo có qua cửa khẩu N2, T, N thuộc tỉnh Thanh Hóa sang nước Lào thể hiện nhiều lần xuất, nhập cảnh trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 3/2020, trong đó lần xuất cảnh đầu tiên là ngày 07/10/2019 và lần xuất cảnh cuối cùng là ngày 10/3/2020 đến ngày ngày 12/3/2020 nhập cảnh về Việt Nam. Do đó, ông T chuyển tiền cho bị cáo từ ngày 09/9/2019 đến ngày 06/3/2020 là

1.420.000.000 đồng.

Từ ngày 27/4/2020 đến ngày 11/12/2020 bị cáo không còn xuất cảnh quan bên Lào nhưng vẫn nói dối đi sang Lào để mua bán đá bên Lào mang về Việt Nam để tiếp tục lừa dối và nhận tiền của ông T 1.675.000.000 đồng rồi chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân. Hiện tại, bị cáo đã trả cho ông T được 230.000.000 đồng.

Những người trực tiếp gặp giao dịch và đi cùng theo yêu cầu của Nguyễn Thanh H như Ngô Văn H1, Võ Thị Kim C, Đỗ Phước D, Võ Thanh U1, Huỳnh Văn T2 điều khẳng định không có sự việc tìm mua bán đá thiên thạch. Việc thực hiện như sang Lào đi lòng vòng, không liên lạc với ai, không tìm kiếm mua kim loại quý, ký hợp đồng với Công ty B1 là thủ đoạn mà bị cáo H thực hiện để chiếm đoạt tiền của bị hại.

Tại Công văn số 316/VĐC ngày 16/10/2024, của Viện địa chất-V1 trả lời kèm theo tài liệu: Sau khi nghiên cứu, các chuyên gia nhận thấy không đủ khả năng để rà soát, xác định vật thể làm hổng gương, đồng cứng thủy ngân bên trong ống nhiệt kế, nổi trên mặt nước bất kể khối lượng. “Tất cả thiên thạch đều không có tính chất phóng xạ (vì hàm lượng các nguyên tố phóng xạ như urani, thori, chì...không đáng kể), chúng không có khả năng làm rạn nứt hoặc vỡ thủy tinh do chúng không gây ra nguồn nhiệt để làm rạn nứt thủy tinh”.

Bị cáo Nguyễn Thanh H khai nhận: Trong thời gian quen biết với Mai Xuân T thì bị cáo nói có làm ăn với ông Phan Hoàng T1 về việc bị cáo có đi qua nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào mua đá hủy kính (đá thiên thạch) mang về Việt Nam bán lại kiếm lời. Bị cáo rủ ông T hùn tiền để mua con hàng thứ hai nặng 700g, giá khoảng 800.000.000 USD (viên đá thiên thạch thứ hai). Bị cáo kêu ông T hùn khoảng 520.000.000 đồng để làm chi phí và sẽ cho ông T 15.000.000 USD nhưng vợ ông T là bà Lê Thị Bích thụ H2 sau khi bán được hàng và để ông T1 không nghi ngờ. Tin tưởng là thật, nên ông T đã đưa tiền theo yêu cầu của bị cáo nhiều lần qua hình thức chuyển khoản, chuyển tiền qua hệ thống Viettel số điện thoại và trực tiếp nhận tiền mặt; tổng số tiền là 1.675.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị cáo không mua đá hủy kính (đá thiên thạch) như đã thỏa thuận mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Vật chứng tạm giữ gồm: Hộ chiếu số C9228353 tên Nguyễn Thanh H; Điện thoại di động hiệu Realme màu xanh, số imel 85639401057879; Laptop hiệu Acer Aspire E1-531, ID 00426-OEM-8992662-00006 kèm sạc; 02 thẻ Ngân hàng A số 9704050661797204, số 9704050660006466 tên Nguyễn Thanh H; Thẻ Ngân hàng S2 số 4221510469791977 tên Nguyễn Thanh H; Thẻ Ngân hàng Đ số 9704060949263895.

- Về trách nhiệm dân sự:

Mai Xuân T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.675.000.000 đồng và lãi suất 1,2%/tháng kể từ ngày 29/10/2020 đến khi trả xong. Bị can đã khắc phục được 230.000.000 đồng, còn 1.445.000.000 đồng.

Đối với số tiền 1.420.000.000 đồng, ông T xác định chỉ mang tính chất giao dịch dân sự và đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKS-P2 ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội giữ nguyên cáo trạng truy tố.

+ Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhận định với số tiền chiếm đoạt 1.675.000.000 đồng của bị hại vượt quá mức định lượng khởi điểm của khung hình phạt theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội nên cần có mức án tương xứng.

+ Về tính tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện nhiều lần, mỗi lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên”.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Mặc dù quá trình điều tra, bị cáo còn quanh co không thừa nhận hành vi phạm tội cho đến khi có nhiều chứng cứ đưa ra thì bị cáo cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải. Ngoài ra đã khắc phục cho bị hại số tiền 230.000.000 đồng. Về phía bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bản thân bị cáo đang bị bệnh HIV.

Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H từ 13 (Mười ba) năm đến 14 (Mười bốn) năm tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại số tiền chiếm đoạt còn lại kèm lãi suất phát sinh cho bị hại.

+ Đối với số tiền 1.420.000.000 đồng, bị hại xác định là giao dịch dân sự, đề nghị tách thành vụ kiện khác nên đề nghị Hội đồng xét xử tách riêng để giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu khởi kiện.

+ Về số tiền 1.500.000.000 đồng, ông Lý Bé T3 yêu cầu bị cáo trả, xét đây là giao dịch vay mượn mang tính chất dân sự, bị cáo không đồng ý trả toàn bộ số tiền mà cho rằng bảo lãnh cho ông Ngô Văn H1 nên đề nghị tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu khởi kiện.

+ Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị xử lý theo quy định.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Thống nhất về tội danh, khung hình phạt theo Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo.

Ngoài tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đã áp dụng cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang mắc bệnh HIV để áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

- Bị cáo thống nhất quan điểm Luật sư bào chữa, không tranh luận thêm.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Bị cáo có tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên”. Hơn nữa xét tính chất phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, gây hậu quả và hệ lụy lớn cho xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

- Bị hại tranh luận: Đề nghị bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt còn lại là 1.445.000.000 đồng kèm lãi phát sinh, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Lý Bé T3 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo trả số tiền 1.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Bé S1 trình bày: Căn nhà và quyền sử dụng đất mà bà Bé S1 đang ở, quản lý là tài sản riêng của bà Bé S1, tài sản này cũng đang thế chấp tại Ngân hàng. Hiện nay bà đang kêu bán để trả nợ.

Nói lời sau cùng: Bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt. Xét những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của những người này tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3]. Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Xét thừa nhận của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Mặc dù bản thân bị cáo không có khả năng, cũng như không thực hiện bất kỳ giao dịch thực tế nào liên quan đến việc mua bán "đá thiên thạch" hay kim loại quý. Nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo Nguyễn Thanh H đã đưa ra nhiều thông tin gian dối như bị cáo là Đại tá tình báo hoạt động bên Lào, có quen biết và mua bán hàng hóa với nhiều lãnh đạo cấp cao Nhà nước Việt Nam; cung cấp hình ảnh về viên đá thiên thạch sẽ mua; danh sách những người được thụ hưởng sau khi mua bán đá thiên thạch thành công; việc mua bán sắp hoàn thành, lợi nhuận khổng lồ... để tạo lòng tin của bị hại, từ đó chiếm đoạt số tiền 1.675.000.000 đồng của bị hại trong khoảng thời gian từ tháng 04/2020 đến tháng 11/2020. Trên thực tế từ tháng 03/2020 bị cáo đã không còn xuất cảnh sang Lào.

Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố.

Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 1.675.000.000 đồng của bị hại, là phạm tội thuộc trường hợp “chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên” nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 08/CT-VKS-P2 ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H là đúng người, đúng tội.

[4]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự, gây bức xúc trong nhân dân. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ hành vi của bị cáo là pháp luật nghiêm cấm nhưng do không muốn lao động chân chính mà vẫn có tiền để tiêu xài cho bản thân, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần với số tiền chiếm đoạt rất lớn. Vì vậy cần phải xử lý bằng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương đối dài, đủ để bị cáo tu dưỡng, cải tạo bản thân. Đồng thời nhằm răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng; giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[5.1]. Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Thanh H yêu cầu bị hại chuyển tiền nhiều lần với tổng số tiền 1.675.000.000 đồng rồi chiếm đoạt, mỗi lần phạm tội đều có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.2]. Tình tiết giảm nhẹ: Mặc dù quá trình điều tra ban đầu, bị cáo còn quanh co trong các lời khai nhưng sau đó bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và khắc phục cho bị hại số tiền 230.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, xét thấy bị cáo tuổi đã cao và hiện đang mắc bệnh HIV mặc dù chưa chuyển sang giai đoạn AIDS nên được xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[6]. Về mức hình phạt: Căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đã gây ra, thái độ khắc phục hậu quả, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích trên, cần buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng trong khung xét xử và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7]. Đối với đề nghị của người bào chữa.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Xét thấy như đã phân tích ở trên, hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, gây hậu quả lớn cho xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian dài với những thủ đoạn tạo dựng công phu, bài bản đồng thời đưa ra nhiều thông tin gian dối ảnh hưởng đến lãnh đạo cấp cao của Nhà nước, số tiền chiếm đoạt của bị hại cao hơn nhiều so với mức định lượng khởi điểm của khung hình phạt. Hơn nữa, bị cáo thành khẩn khai báo chỉ có mức độ và số tiền bồi thường cho bị hại còn ít so với số tiền bị cáo chiếm đoạt. Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự theo đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

[8.1]. Xét thấy, bị cáo thống nhất trả toàn bộ số tiền chiếm đoạt 1.445.000.000 đồng còn lại cho bị hại, căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo hoàn trả toàn bộ số tiền trên cho bị hại.

[8.2]. Về yêu cầu tính lãi phát sinh, do số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại, không xuất phát từ giao dịch dân sự mà các bên có thỏa thuận lãi suất, và lãi suất không được xác định là thiệt hại. Tại phiên tòa, bị cáo cũng không thống nhất trả lãi cho bị hại nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu buộc bị cáo phải trả lãi cho bị hại.

[8.3]. Đối với số tiền 1.420.000.000 đồng, ông T trình bày có liên quan đến ông T1 và cho rằng đây là số tiền giao dịch dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tách riêng để ông T tự thỏa thuận, giải quyết bằng vụ kiện khác.

[8.4]. Đối với yêu cầu của ông Lý Bé T3 yêu cầu bị cáo trả số tiền 1.500.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo, ông T3 trình bày xác định đây là giao dịch dân sự, bản thân bị cáo không thống nhất trả tiền cho ông T3 vì cho rằng bị cáo bảo lãnh khoản vay cho ông Ngô Văn H1. Do đó, Hội đồng xét xử tách riêng giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[9]. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) hộ chiếu số: Hộ chiếu số C9228353 tên Nguyễn Thanh H; 02 thẻ Ngân hàng A số 9704050661797204, số 9704050660006466 tên Nguyễn Thanh H; Thẻ Ngân hàng S2 số 4221510469791977 tên Nguyễn Thanh H; Thẻ Ngân hàng D số 9704060949263895 là đồ vật, giấy tờ tùy thân mang tính cá không có giá trị và tại tòa, bị cáo không có yêu cầu nhận lại.

- Đối với 01 Điện thoại di động hiệu Realme màu xanh, số imel 85639401057879 là phương tiện, công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 Laptop hiệu Acer Aspire E1-531, ID 00426-OEM-8992662-00006 kèm sạc do bị cáo sử dụng từ số tiền chiếm đoạt của bị hại để mua. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho người bị hại cần tiếp tục thu giữ để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 05/11/2025 giữa Công an thành phố C và Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ)

[10]. Đối với hành vi của ông Ngô Văn H1, bị cáo trình bày ông H1 có vai trò đồng phạm cùng với bị cáo tuy nhiên bị cáo không cung cấp được bất cứ chứng cứ chứng minh vai trò đồng phạm nên cần kiến nghị tiếp tục điều tra, xử lý khi có căn cứ.

[11]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thanh H do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 268, 269, 293, 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tính từ ngày bị bắt ngày 21/11/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo H 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo phải trả lại cho bị hại ông Mai Xuân T số tiền chiếm đoạt 1.445.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) hộ chiếu số: Hộ chiếu số C9228353 tên Nguyễn Thanh H; 02 thẻ Ngân hàng A số 9704050661797204, số 9704050660006466 tên Nguyễn Thanh H; Thẻ Ngân hàng S2 số 4221510469791977 tên Nguyễn Thanh H; Thẻ Ngân hàng D số 9704060949263895.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 Điện thoại di động hiệu Realme màu xanh, số imel 85639401057879 là phương tiện, công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần.

- Tiếp tục thu giữ để đảm bảo thi hành án 01 Laptop hiệu Acer Aspire E1-531, ID 00426-OEM-8992662-00006 kèm sạc.

(Các vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 05/11/2025 giữa Công an thành phố C và Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ)

4. Tách giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác đối với số tiền 1.420.000.000 đồng, ông T đã chuyển cho bị cáo khi có yêu cầu.

5. Tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác đối với yêu cầu của ông Lý Bé T3 yêu cầu bị cáo trả số tiền 1.500.000.000 đồng.

6. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thanh H.

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án (phần liên quan) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp

luật.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- CQCSĐT TP. Cần Thơ;
- Trại tạm giam số 1 – Công an TP. Cần Thơ;
- Cục THADS TP. Cần Thơ;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thọ

